

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 2014

Đề thi:

“Hãy trình bày cảm nhận và ý kiến về một danh nhân văn hóa hoặc một nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất.”

TRẦN THƯỢNG XUYÊN NGƯỜI KHAI KHẼN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA

Lời nói đầu:

Vùng đất Đồng Nai xưa và nay không chỉ đơn thuần là mảnh đất của con người dân tộc, mà nó còn là nơi lưu dấu những bước chân lịch sử không ngừng khắc ghi những giá trị văn hóa. Giá trị ấy mỗi thêm phát triển và bền vững qua từng thời đại, dấu thời gian có khắc nghiệt hay không gian có biến đổi đi chăng nữa. Nói như nhà văn Sơn Nam thì chúng ta đang sống trong lịch sử, và hiện tại quả là có dính dấp tới quá khứ. Việc chúng ta tìm hiểu về quá khứ để sống cho hiện tại và hướng đến tương lai mang ý nghĩa vô cùng quan trọng. Quan trọng hơn nữa khi đối với một sinh viên như tôi, đang từng bước hoàn thiện bản thân và khẳng định sự tươi đẹp của quê hương – đất nước...

Theo những tài liệu ghi chép lại, Đồng Nai là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ đồng thời là một trong những trung tâm văn hóa cổ của Việt Nam. Nơi đây đã có lịch sử hơn 300 hình thành và phát triển. So với lịch sử trải qua hàng ngàn năm của dân tộc, mảnh đất Đồng Nai vẫn còn rất trẻ. Tuy nhiên, ngay từ khi hình thành, mảnh đất ấy đã mang trên mình những giá trị quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Hướng về kỉ niệm 67 năm ngày thương binh liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2014) và kỉ niệm 70 thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/2014) cũng như hưởng ứng hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai 2014” do Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai tổ chức, tôi cảm thấy thật sự hào hứng khi ngược dòng lịch sử tìm hiểu văn hóa vùng đất địa phương qua việc tìm hiểu nhân vật lịch sử, vị công thần dưới triều Nguyễn với tài cầm binh khiêu tướng đã có những đóng góp to lớn đối với xứ Đồng Nai, tướng Trần Thượng Xuyên.

Cuối cùng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến sự hỗ trợ từ các Cơ Quan Thông Tin Tư Liệu (Thư viện tỉnh Đồng Nai, Thư viện Đại Học Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn Tp. HCM, ...); ban Quản lý Đình Minh Hương Gia Thạnh (Q.5, Tp.HCM), Đình Tân Lâm (Tp.Biên Hòa, Đồng Nai) cùng các khu di tích... đã cung cấp những thông tin tư liệu có ích trong quá trình tìm hiểu và tham gia hội thi; cũng như sự ủng hộ và động viên từ gia đình và bạn bè,... đã góp phần không nhỏ trong công việc tìm hiểu và nghiên cứu.

A. CẢM NGHĨ VỀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ CỦA DANH NHÂN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN THƯỢNG XUYÊN – NGƯỜI KHAI KHUẨN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA:

Trong công cuộc xây dựng và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, ngoài Nguyễn Hữu Cảnh, Trương Công Định, Trịnh Hoài Đức,... không thể không nhắc đến Trần Thượng Xuyên, một nhân vật lịch sử khá quen thuộc và để lại công lao to lớn tại vùng đất này, thưở khai khẩn... Với những gì đã tìm hiểu được trong thời gian vừa qua cũng như từ những kiến thức đã tích lũy được trước đó, xin được giới thiệu và trình bày về những giá trị văn hóa – lịch sử của danh nhân, nhân vật lịch sử Trần Thượng Xuyên – người khai khẩn vùng đất Biên Hòa.

I. SƠ LƯỢC VỀ TRẦN THƯỢNG XUYÊN:

1.1. Về Trần Thượng Xuyên:

Trần Thượng Xuyên (1655–1720), tự là Trần Thắng Tài, quê ở làng Ngũ Giáp Điền Thủ, huyện Ngô Xuyên, phủ Cao Châu (Giao Châu), tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc). Ông nguyên là tổng binh ba châu Cao - Lôi - Liêm dưới triều Minh. Sau khi nhà Minh sụp đổ (1649) và “Bài Thanh Phục Minh” thất bại, Trần Thượng Xuyên cùng gia quyến và khoảng 3000 lưu dân đi thuyền cùng tướng Dương Ngạn Địch (một tướng nhà Minh khác) xuống Đại Việt, thuần phục dưới trướng chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Tần). Với những đóng góp hết sức to lớn của mình, Trần Thượng xuyên được coi là người đầu tiên có công khai khẩn với quy mô lớn vùng đất Biên Hòa, là người được chúa Nguyễn ban danh hiệu cao quý “Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt”, được vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị sắc phong danh hiệu “Thượng đẳng thần”.

Dưới sự sắp đặt của chúa Nguyễn, tướng Trần Thượng Xuyên đã đến vùng đất Cù Lao Phố ở Biên Hòa lập nghiệp và biến nơi này trở thành nơi buôn bán sầm uất, nhộn nhịp, tập nập người qua lại. Cù Lao Phố còn được xem như là nơi định cư đầu tiên của lưu dân người Hoa khi đến đất Việt.

“Kỷ Mùi, năm thứ 31 (1679), mùa xuân, tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn tổng binh Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến, tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3000 quân và 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng, tự trần là bô thần nhà Minh, nghĩa không chịu là tô nhà Thanh, nên đến để xin làm tâu tở. Bấy giờ bàn bạc rằng: “Phong tục, tiếng nói của họ đều khác, khó bề sai dụng, nhưng họ bị thế cùng bức bách đến đây thì không nở cự tuyệt. Nay đất Đông Phố (tên cổ của Gia Định) nước Chân Lạp đồng ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rồi mà kinh lý, chỉ bằng nhân lấy sức của họ cho đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều.

Chúa theo lời bàn, bèn sai đặt yên ụ lạo khen thưởng, trao cho quan chức đến ở đất Đông Phố. Lại cáo dụ nước Chân Lạp rằng như thế là không có ý để nước Chân Lạp ra ngoài. Bọn Ngạn Địch đến cửa khuyết tạ ơn đi. Binh thuyền của Dương Ngạn Địch và Hoàng Tiến vào cửa Lôi Lạp (nay thuộc đất Gia Định) đến đóng ở Bàn Lân (nay thuộc Biên Hoà). Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của nhà Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập...”. Đồng thời, sách Đại Nam nhất thống chí cũng ghi nhóm người Trần Thượng Xuyên khi đến Biên Hoà “mở đất, lập phố”, còn nhóm của Dương Ngạn Địch đến Mỹ Tho “dựng nhà cửa, họp người Kinh, người Di,... lập thành trang, trại, man, nậu, nhân dân đều theo nghề nghiệp của mình làm ăn để nộp thuế”. (Đại Nam thực lục)

Như vậy, ngoài nhóm người của Trần Thượng Xuyên ra còn có nhóm của Dương Ngạn Địch theo lệnh chúa Nguyễn khai hoang lập ấp xây dựng cuộc sống mới, hình thành các thương cảng sầm uất với các làng nghề và trung tâm kinh tế. Ngoài ra còn góp phần gây dựng bờ cõi dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Cùng với sự phát triển của Sài Gòn – Gia Định, Biên Hoà và Mỹ Tho dần trở thành những trung tâm cư dân với nhiều tiềm năng lớn mạnh cả về văn hoá và phát triển kinh tế. Tạo bước đi vững chắc cho vùng khai khẩn đạt được những thành quả lớn trong thời gian sau này.

Vào năm 1698 (tức mùa xuân, năm Mậu Thân), tuân lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu, Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai. Tại đây, ông tiến hành “chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ) dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hoà ngày nay), lấy xứ Biên Hoà làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức dinh Gia Định ngày nay) mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân phiêu bạt từ Bắc Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã thôn, phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệ thuế tô dung, làm sổ định điền. Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở phiên trấn lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ”. Đây như một mốc quan trọng trong việc xác lập chủ quyền của người dân Việt trong công cuộc khai khẩn đất đai, xây dựng làng xã, mở mang bờ cõi và giữ gìn chủ quyền đất nước của chúa Nguyễn.

Trần Thượng Xuyên còn là một dũng tướng có tài thao lược của chúa Nguyễn. Ông đã nhiều lần cầm binh đánh dẹp Cao Miên, giữ an bờ cõi, mở rộng biên cương nước Việt. Khoảng đầu những năm 1690, ông cùng Mai Vạn Long đánh bắt được Nặc Ông Thu, chiếm ba lũy Cầu Nam, Nam Vang, Gò Bích. Năm 1700, ông cùng Nguyễn Hữu Cảnh tiến đánh vua Chân Lạp lần hai. Sau trận tiền công này, vùng đất Biên Trấn, Phiên Trấn, Định Tường, Long Hồ, An

Giang đã được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong. Năm 1715, ông lại cùng với Nguyễn Cửu Phú đi đánh dẹp bọn Nặc Ông Thâm, hạ được thành La Bích.

Trần Thượng Xuyên có người con trai tên Trần Đại Định, cưới con gái của Mạc Cửu, tổng trấn Hà Tiên. Năm 1725, Đại Định nối nghiệp cha, phục vụ dưới triều chúa Nguyễn Phúc Chu, được phong tước Định Viễn hầu, chức tổng binh, chỉ huy cả hai đạo binh Phiên Trấn và Long Môn. Năm Nhâm Tý (1731), quân Chân Lạp do một lưu dân Lào ở làng Prea Sot (Sà Tót) đứng đầu sang cướp phá ở Gia Định, ông đắp lũy đất ở Hoa Phong để chống cự và rồi đánh đuổi được. Tuy lập được công, nhưng ông bị Thống suất Trương Phước Vĩnh vu tội, phải chạy ra kêu oan với chúa Nguyễn. Chúa Ninh sai giam ông vào nhà lao Quảng Nam. Khi điều tra ra việc thì ông đã bị ốm chết trong ngục. Trần Đại Định được chúa Ninh truy tặng hàm Đô Đốc Đồng Tri thụ là Trương Mẫn, còn Phước Vĩnh vì tội vu oan bị giáng xuống làm cai đội. Con trai của Trần Đại Định là Trần Đại Lực (tức Trần Hầu), rất được cậu ruột là Mạc Thiên Tích thương yêu và tin dùng. Họ Trần ở Biên Hòa và Họ Mạc ở Hà Tiên kết thông gia nhiều đời, như vợ Mạc Thiên Tích là người họ Trần quê ở Đồng Môn.

Dựa theo “Biên hòa sử lược toàn biên” của Lương Văn Lựu thì Trần Thượng Xuyên mất ngày 23 tháng 10 âm lịch khoảng năm Canh Tý (1720) an táng tại mạn bắc dinh Trấn Biên (nay thuộc xã Mỹ Lộc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Để tỏ lòng ngưỡng mộ và đền đáp công ơn người đã có công tổ chức khai phá, mở mang vùng đất Đồng Nai - Gia Định, nhân dân hai nơi này đều lập đền thờ ông, khói hương không dứt.

1.2. Về đền thờ Trần Thượng Xuyên:

Với những đóng góp to lớn của Thượng đẳng thần Trần Thượng Xuyên, cũng như những lưu dân có công khai phá và phát triển vùng đất Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng, nhân dân đã bày tỏ lòng biết ơn và tưởng nhớ bằng cách cho xây dựng nơi thờ phụng, cúng viếng... Hằng năm có các lễ hội được tổ chức và phổ biến trong nhân dân địa phương với nhiều ý nghĩa sâu sắc mang giá trị văn hóa và thời đại trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Dưới đây, xin được nói về hai nơi thờ tự là Đình Minh Hương Gia Thạnh (Q.5, Tp. HCM) và Đình Tân Lâm (Tp. Biên Hòa, Đồng Nai). Với mục đích tìm hiểu và giới thiệu những giá trị lưu giữ văn hóa và minh chứng cho những năm tháng khai khẩn miền Nam, trong đó có vùng đất Biên Hòa xưa...

❖ **Đình Tân Lâm:**

Đình Tân Lâm với tên gọi là Tân Lâm từ lâu đã trở thành cái tên quen thuộc đối với cư dân vùng Biên Hòa – Đồng Nai cũng như các vùng lân cận. Ngoài ra, Tân Lâm còn là tên gọi gợi nhắc đến vùng Bàn Lâm mới (vùng Bàn Lâm được khai khẩn). Không chỉ với dáng vẻ trang nghiêm vốn có mà đây còn là biểu tượng của nét văn hóa lịch sử xưa vẫn còn được lưu giữ và gây nhiều thu hút với không ít người muốn tìm hiểu vùng đất và con người nơi đây. Sau nhiều lần dời đổi, cuối cùng, Đình Tân Lâm được xây dựng lại ở vị trí như hiện nay trên đoạn Sông Phố, nhìn ra công viên Bờ Kè Biên Hòa.

Tương truyền, nguyên thủy đình Tân Lâm là ngôi miếu nhỏ ở thành Kèn do dân làng dựng lên từ thời Minh Mạng (1820 - 1840) để tỏ lòng ngưỡng vọng Trấn Biên Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên. Sau hai lần dời chuyển (vào năm 1861 và 1906), ngôi đình đã ở vị trí như hiện nay.

Đình Tân Lâm tọa lạc trên khuôn viên rộng khoảng 3.000m², với vẻ đẹp bề thế, uy nghiêm xây dựng theo lối kiến trúc mang đậm dấu ấn của văn hoá Trung Hoa. Khi đến tham quan sẽ nhận thấy sự trang nghiêm, đầy hưng thịnh của ngôi đình. Dễ dàng hình dung được sự phồn thịnh của vùng Cù Lao Phố xưa. Mặt đình hướng về phía tây nam, được kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡) gồm ba gian: tiền đình, chánh điện và hậu cung xây nối tiếp nhau. Hai bên tả, hữu là miếu thờ Bà và thờ Ông. Mái đình lợp ngói âm dương. Nền cao 60cm bằng đá xanh, lót gạch bông. Bên trong đình, mỗi gian được bài trí điện thờ, hoành phi, câu đối, bao lam bằng gỗ do các nghệ nhân dân gian chạm trổ tinh vi, sắc sảo mang tính nghệ thuật cao. Các đề tài đều tượng trưng cho hạnh phúc, phồn vinh, tước lộc, công hầu... theo thông tục của người phương Đông.

Phần tiền đình có diện tích 75,5m², bộ khung vì bằng gỗ, trên các xà ngang chạm khắc đề tài dơi, đào, hoa, lá... còn trên nóc trang trí đề tài “Lưỡng long tranh châu nhật”, “Lý ngư hoá long”... biểu tượng cho sự phước thọ, trường tồn, sự thịnh vượng, như ý. Phần mặt tiền mái đình là cả một công trình nghệ thuật đặc sắc tô điểm cho nền trời xanh thoáng đặng. Hàng trăm tượng người, vật bằng gốm sứ men xanh thể hiện các đề tài cô điển phương Đông một cách sinh động, tài hoa. Thật khó để nghĩ rằng gần một trăm năm qua, những “Bát tiên quá hải”, “Quan Công phò nhị tẩu”, những chuyện những tích thời chiến quốc, nhật nguyệt, lân phụng... sống động trên mái ngói, thi gan với nắng mưa mà vẫn nguyên vẹn sắc màu và đường nét.

Phần chánh điện chiếm diện tích 487,5m². Gian giữa là nơi tôn nghiêm nhất với những hàng cột gỗ lim to dị thường, với tượng thần uy nghiêm ngự trên ngai

son son thép vàng, với những cặp chim trĩ, loan, phượng... bằng đồng đứng châu trong tư thế duyên dáng và trang nghiêm. Trước bàn thờ thần là bàn La liệt, tiếp đến là bàn hội đồng nội. Song song với bàn La liệt và bàn hội đồng nội là hai bộ bát bửu bằng đồng. Hai gian bên thờ tả và hữu ban. Dọc tường tả hữu có các bệ thờ 9 Thái Giám, Hậu Hiền, Bạch Mã và Tiên Hiền. Toàn bộ khung vì được làm bằng gỗ tốt, có cột chống ở giữa kiềng bình nước, được lắp ghép với kỹ thuật mộng chốt và gắn dầu rái đảm bảo độ bền vững cao.

Hậu cung có diện tích 120m² được chia thành ba gian, chính giữa thờ Tiên sư, hai bên thờ Tiên thứ Việt Nam và Tiên thứ Trung Hoa, được đặt trên bệ thờ bằng xi măng lót gạch men xanh.

Ngoài ra, sau đình còn có khu nhà bếp nối liền với hậu cung, kiến trúc đơn giản, là nơi nấu ăn của đình trong những dịp lễ quan trọng. Ngôi đình có các kiến trúc mỹ thuật vô cùng đặc sắc thể hiện qua các tác phẩm điêu khắc đá, chạm khắc gỗ, phù điêu ghép sành, cẩn xà cừ, tượng sành kiểu Hoa Nam... ẩn chứa những triết lý nhân sinh sâu sắc. Toàn bộ những mảng trang trí trên là sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn với yếu tố kiến trúc nghệ thuật đặc trưng vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Đây cũng là sản phẩm gần như cuối cùng của lớp nghệ nhân tài hoa bản địa.

Đình Tân Lâm đã thể hiện được sự tôn nghiêm mà trữ tình, hoành tráng mà tinh xảo, xứng đáng với lòng ngưỡng mộ của nhân dân đối với “Đức Ông” Trần Thượng Xuyên. Hàng năm, nhân dân lấy ngày Trần Thượng Xuyên mất (23 tháng 10 âm lịch) làm ngày giỗ trọng và ngày 12 đến 14 tháng 12 âm lịch, làm ngày lễ hội Kỳ yên.

❖ Đình Minh Hương Gia Thạnh:

Đình Minh Hương Gia Thạnh, tọa lạc tại số 380, đường Trần Hưng Đạo B, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh. Ngôi đình đã được công nhận là “Di tích lịch sử” theo số 43-VH/QĐ ngày 7 – 1 – 1993 (năm Quý Dậu) của Bộ Thông tin Văn hóa. Tại vùng Sài Gòn – Chợ Lớn, ngôi đình được xem như là di tích cổ xưa nhất với những nét lịch sử mang tính nghệ thuật bền vững theo dòng thời gian. Có thể nói, đây là minh chứng sống động cho việc Trần Thượng Xuyên cùng lưu dân đến khai khẩn miền Nam trong những năm tháng lịch sử của đất nước ta.

Tên gọi “Minh Hương” xuất hiện bởi sự có mặt của những người Việt gốc Hoa. Người Minh Hương không phải là những người Hoa hay những người có hai dòng máu Hoa và Việt. Họ chỉ có nguồn gốc từ Trung Hoa mà thôi. Tính đến nay, người Minh Hương đã lưu trú và định cư trên lãnh thổ Việt Nam hơn hai trăm năm với những nét phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa... gần như đồng hóa với

người Việt. Đồng thời họ cũng không phải là một tộc người thiểu số như tộc người Việt như Choro, Êđê, Mạ, Xtiêng,... vì họ sử dụng ngôn ngữ hoàn toàn là tiếng Việt như người Kinh. Một điểm riêng là họ vẫn luôn nhớ về nguồn gốc của mình là những thân dân nhà Minh (1368-1644). Vì vậy, hai chữ Minh Hương là tên họ tự gọi mình với ý nghĩa như sau: “Minh” là để chỉ nhà Minh, “Hương” là hương hỏa. Nghĩa là, họ sẽ tiếp tục lo phần hương hỏa cho nhà Minh. Do đó những hội viên ở đình là những người con trai thuộc 25 dòng họ trong dòng họ Minh Hương.

Năm Mậu Dần (1698), Quan Chương Binh Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Hiến Tông Hoàng Đế Nguyễn Phúc Chu vào thị sát xứ Đồng Nai. Trần Thượng Xuyên và Nguyễn Hữu Cảnh kết thông gia. Khi Trần Thượng Xuyên mất được an táng ở Tân Uyên (Bình Dương), thờ ở Tân Lâm miếu, làng Bình Trước. Còn Nguyễn Hữu Cảnh an táng ở Chợ Đồn, được thờ ở Đình Hiến Lương, về sau Đình Tân Lâm thờ cả hai ông. Vào khoảng thời gian này, một số con cháu người Hoa đã ngụ cư từ lâu ở dinh Phiên Trấn xin thành lập làng Minh Hương.

Tuy nhiên, theo Hương ước của làng, thì năm Kỷ Mão (1789), mới là năm chính thức lập "Minh Hương xã". Và liền sau đó, một ngôi đình do nhiều người Hoa đóng góp được dựng lên, để có nơi thờ cúng và chức sắc xã có nơi làm việc. Năm 1808, vua Gia Long ban cho tên “Gia Thạnh đường”. Năm 1867, chính quyền Pháp thay đổi cơ cấu hành chính, đình không còn là nhà việc của xã, vì thế đình trở thành hội quán của Hội Minh Hương Gia Thạnh, gọi là Minh Hương Hội Quán, hiện nay tọa lạc tại số 380, đại lộ Đồng Khánh, Chợ Lớn.

Năm Mậu Thìn (1808), Đời Gia Long thứ 7, đổi tên là Minh Hương Gia Thạnh.

Năm Kỷ Sửu (1829), Chữ “Hương” có hai chữ “hương” đồng âm nhị nghĩa. Đời Minh Mạng thứ 10, đổi chữ “Hương” trong “hương hỏa” thành chữ Hương nghĩa là “làng”.

Năm Kỷ Hợi (1839), đời Minh Mạng thứ 20 xây dựng trụ sở Đình Minh Hương Gia Thạnh lần thứ nhất: Chánh điện thờ Minh Triều hoàng đế. Hai bên thờ bốn vị công thần Nam triều gốc Minh Hương:

1. Tổng binh Thắng Tài hầu Trần Thượng Xuyên tức Trần Thắng Tài
2. Chương Cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh
3. Binh Bộ Thượng Thư An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức
4. Công Bộ Thượng Thư Tịnh Viễn hầu Ngô Nhân Tịnh

Năm Quý Hợi (1863), đời Tự Đức thứ 17 ân tứ tâm biển “Thiện Tục Khả Phong.”

Năm Tân Sửu (1901), đình được xây cất lại lần thứ hai.

Năm Giáp Thìn (1964), đình được xây cất lại lần thứ ba với khoảng 210 hội viên nam (số lượng hội viên tính đến nay khoảng 280 hội viên).

Năm Mậu Tuất (1938) hội Minh Khôn chính thức được thành lập, hội gồm có vợ và con gái chưa chồng của hội viên nam, thuộc hội Minh Hương Gia Thạnh.

Làng Minh Hương ban đầu có 25 dòng họ: Chung, Tân, Tăng, Trần, Trình, Khương, Khuru, Kha, Văn, Vương, Long,...nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 20 dòng họ (một số họ do không có con trai).

Tính từ lần xây dựng thứ nhất (1839) đến nay (2014) ngôi đình đã được 184 tuổi.

Ngôi đình được làm từ nguyên liệu chủ yếu là gạch, xây theo lối kiến trúc xưa: nhà năm gian. Mái đình lợp ngói ống, nhìn như hình vòm cung, trang trí hình lưỡng long tranh châu, cá hóa long, tượng ông Nhật bà Nguyệt, phù điêu trích tuồng tích của Trung Quốc... do lò gốm Đồng Hòa sản xuất năm Tân Sửu (1901). Trước đình có hai câu đối chữ Hán đề: 嘉猷复振基光旧, 盛德长留庙貌新 phiên âm: Gia hiên phục chân cơ quang cựu, thịnh đức trường lưu miếu mạo tân), nghĩa là: Gia tăng văn hiến, chân hưng nghiệp xưa, chỉnh trang nên móng cũ, làm hưng thịnh đức độ, chuyển nói lâu dài, dựng xây đền miếu mới (nguồn từ internet). Ngoài ra trong đình còn có nét đặc sắc là phần kính nhìn bên ngoài là màu trắng, nhưng khi vào đến bên trong, dưới sự phản quang của ánh sáng mặt trời tạo thành các mảng màu đồng điệu với nhau.

Bên trong Đình được xây dựng gồm ba phần: Võ Ca (nơi cúng kiến, biểu diễn múa hát như một phần lễ trong các dịp cúng lễ), Chánh Điện và Hậu Điện. Bên phải Võ Ca có miếu Ngũ Hành, bộ khung gỗ kết cấu kiểu kẻ chuyền và các cột gỗ kê trên chân đế bằng đá, tạo cho đình thêm nét cổ kính. Trên cột và các đà ngang treo nhiều hoành phi, câu đối, phần lớn được làm từ đầu và giữa thế kỷ 19...

Chánh điện đình xây trên nền cao, phía trước trang trí ba bao lam chạm lộng các đề tài tùng - hạc, đôi hạc uyên ương, mai - điều, đóa sen, giỏ cua (biểu tượng mang nét đẹp riêng chỉ có ở đất Việt), giỏ trái cây... Ở cuối chánh điện là ba khám thờ lớn bằng gỗ đặt trên bệ gạch, mỗi bệ gạch được thiết kế với một hình dạng khác nhau, được chạm viền chung quanh lưỡng long tranh châu, lân, phụng, dây hoa...

Phía sau chánh điện là phần sân khá rộng gọi là Thiên Quang Tỉnh (giếng trời), kế đến là hậu điện. Hậu điện thờ các vị tiền hiền khai sáng ra làng (khám giữa), các hương chức và phu nhân có công, vợ chồng ông Trương Công Sĩ, người đã tặng đất cho xã (khám trái) và những viên chức nhỏ có công (khám phải).

Đình thờ bốn vị công thần tiêu biểu của đất Gia Định xưa như Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tịnh,....

Trong đình, trước chánh điện vẫn còn treo tấm biển khắc 4 chữ “Thiên Tục Khả Phong” (Tục tốt Đáng Khen) do vua Tự Đức ban tặng năm 1863, và câu đối của Trịnh Hoài Đức làm năm Minh Mạng thứ 2 (1821)

Góc phải chánh điện có một cái trống to, dùng để đánh trong các dịp lễ quan trọng của đình. Góc trái chánh điện có một chuông đồng do vua Minh Mạng tặng, với sắc phong và cho phép chuyển tên từ "làng" sang "đình". Chuông được gióng một năm một lần vào ngày 16 tháng Giêng. Quai chuông là một con rồng hai đầu, bốn chân. Phần thân chuông có dòng chữ "Gia Định thành Minh Hương xã công tạo", "Long tập Quý Mùi thu nguyệt" (chuông do xã Minh Hương thành Gia Định làm năm Quý Mùi, 1823).

Ngoài ra đình còn lưu giữ một số hiện vật quý như các cái Đôn chạm hình búp cải hoặc đầu voi tượng trưng cho sự hưng thịnh; tấm bia ghi tên những người Minh Hương làm quan có tiếng dưới triều Nguyễn; các hoành phi, câu đối (có tất cả 38 hoành phi và 22 câu đối). Đặc biệt là đôi câu đối chạm khắc trên thân cột, chạm nổi long, lân, qui, phụng... với đầu rồng được chạm cao hơn bề mặt câu đối gần một tấc; hai đỉnh gang (làm năm 1842), bộ ghé chạm rồng, phượng; bộ binh khí... tạo nên nét cổ kính, sang trọng cho đình.

II. NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ CỦA DANH NHÂN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN THƯỢNG XUYỀN:

2.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai cuối thế kỷ XVI:

Cuối thế kỷ XVI, vùng đất Miền Đông Nam bộ nói chung và đất Đồng Nai nói riêng, hầu còn bạt ngàn là rừng rậm và đầm lầy, sông ngòi chằng chịt với dáng vẻ hoang sơ, chưa được khai phá. Đây được xem như là vùng đất “toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm”. Lúc bấy giờ có các dân tộc Xtiêng, Mạ, Choro, C'ho, M'ông sinh sống, được xem như là những dân tộc bản địa, với dân số còn thưa thớt, trình độ kỹ thuật sản xuất còn sơ sài, chưa có tổ chức xã hội, hoặc còn rất sơ khai. Ngoài ra còn có tộc người Khome “sinh sống rải rác trong một vài con sóc nhỏ, nằm heo hút trên giồng đất cao. Họ là dân nhập cư từ Lục Chân Lạp sang” (Lịch sử địa phương tỉnh Đồng Nai). Hoạt động kinh tế của những cư dân lúc này chủ yếu là tự

phát, tự cung, tự cấp với phương thức canh tác chính là làm rẫy. Những lưu dân người Việt tiếp tục phát huy sở trường khai hoang canh tác lúa nước. Cùng với đó là hoạt động săn bắn, hái lượm lâm thổ sản và thủy hải sản cũng có vị trí đáng kể trong đời sống.

Đồng thời, đây còn là một vùng đất đầy tiềm năng, nhưng cũng đầy thách đố với những người tiên phong khai phá bởi sự khắc nghiệt của thiên nhiên hoang dã. Trần Thượng Xuyên và những thế hệ di dân người Hoa tìm đến đất Nam bộ đã phải đối diện và khắc phục biết bao gian nan vất vả để có thể kiến tạo cho một cuộc sống ổn định, lâu dài.

2.2. Công cuộc khẩn hoang của Trần Thượng Xuyên vào cuối thế kỷ XVI và thế kỷ XVII:

❖ Về văn hóa – lịch sử:

Cũng vào lúc này, thời điểm khai khẩn, đơn vị hành chính ở Đồng Nai dần được hình thành. Những làng xã tự phát do chưa theo quy định hay quy chế cụ thể; Mà chỉ đơn thuần là thành lập do chủ kiến của những người đi khai khẩn, thường là do những người cùng huyết thống hoặc cùng sở thích lập thành một làng, xã... Về sau này tuân theo quy chế của chúa Nguyễn làng xã được phân chia thành các đơn vị như: làng, ấp, trang, trại, phố, phường, thôn, xã. Tên đặt cho các đơn vị hành chính đều bắt đầu từ những mỹ từ mang ý nghĩa tốt đẹp như: Long, An, Bình, Phước, Tân,... Đến nay, điều đó vẫn còn được thể hiện rất rõ ở Tp.Biên Hòa – Đồng Nai như: phường Hòa Bình, phường Quang Vinh, xã Hóa An, xã Tân Hạnh,... Bên cạnh đó cũng xuất hiện những tên gọi như Bàu Cá, Bến Gỗ, Gò Chùa, Cù Lao, Bến Ngựa... thể hiện đặc điểm vùng với những nét đẹp văn hóa mang tính tượng trưng đặc sắc. Các làng nghề cũng theo đó mà hình thành với nghề làm lu, đồ gốm, sản phẩm vải, làm chiếu, ... Điểm đặc trưng luôn có ở mỗi thôn xã đến nay vẫn tồn tại và phát triển chính là các ngôi đình, miếu thờ, chùa, chợ,... là nơi cộng đồng dân cư tụ họp sinh hoạt chung, tổ chức các lễ hội trong năm như lễ Kỳ Yên ở đình, các ngày lễ Tết trong năm đến cuối năm. Chợ thường là tự phát, là nơi người ta gặp gỡ, trao đổi buôn bán, thu thập thông tin trong vùng hay ngoài địa phương, là nơi đáp ứng các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống,... gắn với những hình ảnh đông đúc, nhộn nhịp thể hiện sự hưng thịnh của vùng, đặc biệt là đối với vùng Đồng nai thuở khai hoang...

Văn hóa Đồng Nai lúc bấy giờ gồm nhiều “nhân tố của các hệ văn hóa” khác nhau, do đây là vùng đất mới được khai phá. Có cả dân bản địa và dân nhập cư (trong đó có lưu dân người Hoa thuộc nhóm người Trần Thượng Xuyên). Văn hóa của người Hoa cũng tác động và ảnh hưởng đến người Việt, người Khmer và các

dân tộc anh em ở Việt Nam. Trên vùng đất Nam bộ, có thể thấy khá rõ nét những ảnh hưởng, kết quả của quá trình giao lưu văn hóa Hoa - Việt, Hoa - Khmer... mà ngay từ những thế hệ người Hoa đầu tiên đã đem đến vùng đất này. Sự giao lưu văn hóa đó diễn ra trên nhiều mặt của cuộc sống vật chất, tinh thần của người dân Nam bộ. Hủ tiếu, bánh bao, lẩu... là những món ăn của người Hoa, đến nay vẫn là những món ăn quen thuộc của người Nam bộ. Nhà ở kiểu hình ống cũng vốn của người Hoa ở các đô thị Nam Trung Hoa, đã được người Hoa phổ biến ở các đô thị Việt Nam như Biên Hòa, Chợ Lớn, Mỹ Tho...

Trong lĩnh vực văn hóa tinh thần, như tôn giáo tín ngưỡng của người Hoa (thờ trời, thờ Bà Thiên Hậu, Quan Công...) đã ảnh hưởng khá nhiều đến các cư dân Nam bộ. Đa phần ở các gia đình Nam bộ đến nay đều có bàn thờ Thiên (gọi tắt là bàn Thiên) trước sân. Trong nhà thờ ông Địa, Thần Tài, không ít nhà có bàn thờ Ngũ hành nương nương, Bà Thiên Hậu, Quan Công... Sân khấu cải lương Nam Bộ cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều của sân khấu hát Quảng, hát Tiêu của người Hoa.

Nét đặc trưng nhất của văn hóa Đồng Nai nói riêng, đất Việt nói riêng khi nhắc văn học dân gian chính là phương thức truyền miệng với các tác phẩm mang tính tự sự trữ tình, chủ yếu nhất vẫn là kể chuyện và ca dao dân ca.

Và chẳng còn quá xa lạ khi nhắc đến câu ca dao dân ca từ ngày trước:

“Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”

Hai câu ca dao trên nói về cảnh những người khai khẩn lúc bấy giờ vào Nam Bộ, cụ thể là Đồng Nai thông qua cửa biển Cần Giờ, Soài Rạp đến nội địa. Ca dao dân ca là cách truyền đạt và tiếp cận sâu sắc nhất không đối với cư dân vùng mà còn đối với khách thập phương. Để vào được đất Đồng Nai thời điểm ấy quả là không dễ dàng. Cuộc hành binh của tướng Trần Thượng Xuyên hay những di dân vùng khác vào Nam hẳn là rất cam go và gặp không ít khó khăn khi nhắc đến câu ca dao:

"Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân đã trải Đồng Nai đã từng"

Hay những hình ảnh được phóng đại để diễn tả cảnh vật hoang vu, sơ khai còn thừa thớt người sinh sống:

“Cỏ mọc thành tinh

Rắn đồng biết gáy”

Tuy nhiên, khi đã tạm ổn định trên vùng đất mới:

“Chim bay về núi Biên Hòa
Chồng đây vợ đó ai mà muốn xa.”

Thì hẳn cuộc sống của những cư dân bản địa và các lưu dân đã được cải thiện. Đây được xem như một thành công lớn của công cuộc khai hoang lập ấp với những thiếu thốn, khó khăn.

Qua đó càng thêm thấm thía những vất vả, cực nhọc mà những thế hệ trước đây đã phải trải qua để gây dựng nên vùng đất trù phú như ngày nay.

“Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thì không muốn về”
“Đồng Nai gạo trắng như cò
Trồn cha, trồn mẹ xuống đò theo anh”

❖ **Về kinh tế - xã hội:**

Cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, vùng đất nơi đây vẫn còn mang dáng vẻ hoang sơ, chưa được khai phá. Nhưng đến giữa thế kỷ XVIII, dần có sự thay đổi về dân số, phương thức sản xuất và hình thức tổ chức xã hội. Dấu chân con người ngày một hằn sâu trên các lối đi, đồng ruộng. Các ngôi nhà xuất hiện nhiều hơn trước, những cảnh buôn bán tập nập và sầm uất thay thế cho khung cảnh heo hút, vắng vẻ, âm u và hoang sơ.

Kinh tế lúc này cơ bản vẫn là sản xuất nông nghiệp lúa nước với vốn kinh nghiệm tích lũy trước đó. Sản xuất nông nghiệp được đề cao, đây như là vấn đề quan trọng hàng đầu để xây dựng cuộc sống mới. Đất đai ngày càng được mở rộng dưới hình thức chủ yếu là tự phát (chưa có sự trợ giúp từ chính quyền nhà nước). Vào thời điểm này, số đất khai khẩn dùng làm ruộng trồng lúa, hoặc vườn cây trồng các loại cây ăn quả. Một số nơi khác, do điều kiện địa lý tác động, thực hiện các hình thức sản xuất và làm kinh tế dưới dạng khác. Các làng nghề như: dệt vải, dệt chiếu, làm gốm, đan lát thủ công,... hay săn bắt các loài thú rừng, đánh bắt thủy hải sản,... hoặc các hình thức buôn bán nhỏ.

Có thể nói, nơi đây là mảnh đất màu mỡ cho việc phát triển kinh tế và làm ăn sinh sống cho các cư dân giàu sức sáng tạo và cần cù lao động. Đến cuối thế kỷ XVII, kinh tế vùng đã có nhiều sự thay đổi, như được khoác một màu áo mới. Vẻ hoang vu được thay thế bởi những cánh đồng lúa xanh tươi, những hàng buôn tập

nập người qua lại. Trình độ sản xuất ngày một nâng cao với phương thức tổ chức không còn nghèo nàn, thô sơ... Nên ngay khi dừng chân ở Bàn Lân, Trần Thượng Xuyên đã nhanh chóng khảo sát tình hình địa bàn cư trú mới và quyết định chuyển đến định cư tại một cù lao trên sông Đồng Nai để sau này có một Cù lao Phố nổi tiếng đương thời. Ông đã khéo xử sự để được chúa Nguyễn dành cho nhiều điều kiện thuận lợi, tổ chức cho những người cùng đi sớm được an cư để phát huy được đức tính siêng năng, chăm chỉ và cần cù trong canh tác ruộng vườn, khéo léo và ham học hỏi trong làm nghề thủ công, cũng như phát huy tốt những kinh nghiệm truyền thống trong việc chế biến dược liệu, hương liệu và vận dụng sáng tạo khả năng buôn bán... Những nỗ lực của Trần Thượng Xuyên và cộng đồng cư dân các dân tộc trong vùng đã góp phần tích cực để vào năm 1698, khi Thống suất chương cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn vào Nam, có thêm những điều kiện thuận lợi cho việc “lấy đất Nông Nại đặt làm Gia Định phủ, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn...” để miền Đông Nam bộ trở thành phủ huyện chính thức của Việt Nam...

Dưới sự điều hành và tổ chức của Trần Thượng Xuyên, Cù Lao Phố (hay Nông Nại Đại Phố theo cách gọi của người Hoa) trở thành thương cảng lớn nhất Nam Bộ vào lúc bấy giờ. Thu hút nhiều thương nhân người Hoa từ Trung Quốc và các tàu buôn từ các nước khác như: phương Tây, Nhật Bản, Mã Lai, ... với các mặt hàng xuất nhập khẩu đa dạng và phong phú.

Nguồn xuất khẩu chính là lúa gạo kể đến là các loại gỗ quý dùng để đóng tàu thuyền, lâm sản (ngà voi, sừng tê giác, gạc nai, dược thảo,...), nông sản (chuối, xoài, đường mía,...), khoáng sản (sắt, đá ong, cát,...) cùng các mặt hàng thủ công mỹ nghệ (dệt chiếu, dệt lụa, làm gốm, đúc đồng, làm mộc, nấu đường, xay bột, làm bánh...). Nguồn nhập khẩu chủ yếu là đồ sứ Trung Quốc, tơ lụa, vải bố, thuốc bắc, đồng để đúc chuông, gạch ngói để trang trí, nhang, đèn, giấy,...

Cảnh mua bán nhộn nhịp, tấp nập cũng được Trịnh Hoài Đức ghi chép lại: “Các thuyền ngoại quốc tới nơi này (Cù lao Phố) bỏ neo, mướn nhà ở, rồi kê khai các số hàng trong chuyến ấy cho các hiệu buôn trên đất liền biết. Các hiệu buôn này định giá hàng, tốt lẫn xấu, rồi bao mua tất cả, không để một món hàng nào ứ đọng. Đến ngày trở buồm về, gọi là "hồi đường", chủ thuyền cần mua món hàng gì, cũng phải làm sẵn hóa đơn đặt hàng trước nhờ mua dùm. Như thế, khách chủ đều được tiện lợi và sổ sách phân minh. Khách chỉ việc đàn hát vui chơi, đã có nước ngọt đầy đủ, lại khỏi lo ván thuyền bị hà ăn, khi về lại chở đầy thứ hàng khác rất là thuận lợi..” Còn trong tác phẩm của mình nhà văn Sơn Nam viết: “Vùng Cù lao Phố, nòng cốt của Biên Hòa. Đây là vị trí xứng danh ả địa đầu, với đường bộ lên

Cao Miên và đường thủy ăn xuống Sài Gòn. Nhóm dân Trung Hoa theo chân Trần Thượng Xuyên gây cơ sở lớn ở Cù lao Phố, chọn vị trí thuận lợi, sát mé sông. Năm năm sau khi định cư, chùa Quan đế dựng lên”...

Sự phồn thịnh của thương cảng Cù lao Phố với tư cách là trung tâm thương mại quốc tế của cả vùng Nam Bộ kéo dài đến năm 1776 thì chấm dứt. Bởi đã xảy ra hai sự kiện lớn: sự kiện thứ nhất là năm 1747, một nhóm khách thương người Phúc Kiến qua lại buôn bán, thấy Cù lao Phố rất giàu có nên dậy lòng tham, muốn chiếm lấy để làm chỗ dung thân lâu dài. Cuộc bạo loạn do Lý Văn Quang (tự xưng là Giản Phó Đại vương) cầm đầu bị quan quân chúa Nguyễn dẹp tan nhanh chóng, nhưng Cù lao Phố cũng đã chịu nhiều thiệt hại. Và sự kiện thứ hai là năm 1776, quân Tây Sơn đã đến đàn áp những người Hoa ở Cù lao Phố (vì họ ủng hộ Nguyễn Phúc Ánh). Trịnh Hoài Đức mô tả: “Nơi đây biến thành gò hoang, sau khi trưng hưng người ta tuy có trở về nhưng dân số không được một phần trăm lúc trước” (Gia Định thành thông chí). Do đó, các thương gia người Hoa đã lần lượt rủ nhau xuống vùng Chợ Lớn (nay là Quận 5 và Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh) sinh sống và lập những cơ sở thương mại khác cho đến nay... Từ đó, Cù lao Phố đánh mất vai trò là trung tâm thương mại của xứ Đàng Trong mà thay vào đó là Chợ Lớn và Mỹ Tho. Ngoài ra vùng đất Gia Định nói chung, Biên Hòa – Đồng nai nói riêng là nơi diễn ra các trận đánh chống thực dân và đế quốc nên không tránh khỏi những tàn phá nặng nề kể cả việc phá hủy hoàn toàn thương cảng Cù Lao Phố.

Đến nay, bộ mặt kinh tế vùng đất Đồng Nai đã có nhiều thay đổi, đồng hành cùng những thăng trầm lịch sử của đất nước, từ bỏ vẻ cũ kỹ, lạc hậu; nơi đây đang từng bước trở thành trung tâm kinh tế phát triển mạnh mẽ. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cùng chính sách đầu tư, phát triển kinh tế địa phương đang từng bước thay đổi diện mạo của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từng ngày...

2.3. Những đóng góp của Trần Thượng Xuyên trong công cuộc giữ an bờ cõi:

Trần Thượng Xuyên không chỉ là người có tài trong việc đưa dân đi khai khẩn, tìm nơi lập nghiệp, gây dựng cuộc sống mà còn là người có tài thao lược, từng nhiều lần điều binh khiển tướng giúp chúa Nguyễn dẹp loạn và đánh tan mưu đồ phản loạn của bọn giặc trong vùng, bảo vệ vùng đất, đảm bảo cho người dân cuộc sống yên lành, hạnh phúc, ấm no,...

Lần thứ nhất là năm Mậu Thìn (1688), phó tướng Hoàng Tiên giết chủ tướng là Dương Ngạn Địch ở cửa biển Mỹ Tho, dời đồn sang Nan Khê (nay là sông Vàm Nao, thuộc tỉnh An Giang), đắp lũy, đúc đại bác, đóng chiến thuyền, thả quân đi cướp bóc. Vua chính nước Chân Lạp là Nặc Thu oán giận, bỏ việc triều cống và

đắp ba lũy Bích Đôi, Cầu Nam và Nam Vang, rồi chằng xích sắt ngăn cửa sông, làm kế cố thủ...

Vua thứ nhì Chân Lạp là Nặc Nộn (đang đóng ở Sài Gòn) báo gấp lên chúa Nguyễn. Chúa Ngãi Nguyễn Phước Trăn nổi giận, bèn cử tướng Mai Vạn Long ở Dinh Thái Khương giả hiệp quân cùng Hoàng Tiến đi đánh dẹp Nặc Thu, nhưng kỳ thực cũng để hạ Hoàng Tiến. “Tháng giêng năm Kỷ Ty (1689), Mai Vạn Long kéo quân đến cửa biển Mỹ Tho, đóng ở Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), sai người đến Nan Khê triệu Hoàng Tiến đem quân sở bộ đến. Vạn Long phải dùng mẹo đánh lừa Tiến đến hội. Quả nhiên Tiến cưỡi thuyền ra sông đến hội. Phục binh vùng dậy, bốn mặt đánh vào, Tiến bỏ thuyền chạy, nhằm lẫn về phía cửa biển Soài Rạp. Vạn Long vào lũy, bắt được vợ con Tiến đều chém cả, chiêu tập dư chúng quân Long Môn, sai bộ tướng là Trần Thượng Xuyên quản lãnh để làm Tiền phong. Thừa thắng, Vạn Long, Trần Thượng Xuyên tiến đánh, đốt xích sắt ngang sông, liên tiếp lấy được ba lũy Bích Đôi, Cầu Nam, Nam Vang, bắt Nặc Thu phải hàng phục...” (Đại Nam thực lục).

Lần thứ hai là năm 1699 và năm 1700, Trần Thượng Xuyên lại phải cầm quân đến nơi biên giới: “Tháng 7 năm 1699, Nặc Thu lại đắp lũy ở Bích Đôi, Nam Vang và Cầu Nam. Trần Thượng Xuyên lúc bấy giờ đang đóng quân ở Doanh Châu (Vĩnh Long), cấp báo lên triều đình. Chúa Nguyễn cử Nguyễn Hữu Cảnh đi vào Nam hiệp quân, đánh dẹp. Tháng 3 năm 1700, Trần Thượng Xuyên đích thân ra trận, giao chiến với quân Chân Lạp, rồi tiến đánh lũy Bích Đôi và Nam Vang. Quân Chân Lạp tan vỡ... Sau trận tiền công này, vùng đất Biên Trấn (Biên Hòa), Phiên Trấn (Gia Định), Định Tường, Long Hồ (Vĩnh Long), An Giang đã được sáp nhập vào Đại Việt.”

Lần cuối cùng là “Năm Giáp Ngọ (1714), quân của Nặc Ông Thâm đến lấy thành La Bích và vây đánh Nặc Ông Yêm nguy cấp lắm. Ông Yêm sai người sang Gia Định cầu cứu. Quan đô đốc Phiên Trấn (Gia Định) là Trần Thượng Xuyên và quan phó tướng Trấn Biên (Biên Hòa) là Nguyễn Cửu Phú phát binh sang đánh, vây Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm ở trong thành La Bích. Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm sợ hãi, bỏ thành chạy sang Tiêm la (Xiêm). Bọn ông Trần Thượng Xuyên lập Nặc Ông Yêm lên làm vua Chân Lạp... (Việt Nam sử lược)

Năm 1720, Trần Thượng Xuyên qua đời. Con trai ông là Trần Đại Định nối nghiệp cha tiếp tục phục vụ dưới triều chúa Nguyễn Phước Trú, được phong tước Tổng binh Định Viễn hầu, chỉ huy cả hai đạo binh Phiên Trấn và Long Môn. Công lao này của dòng họ Trần đã được chúa Nguyễn ghi nhận: "Họ Nguyễn làm vua, họ Trần làm tướng, công khanh đời đời không dứt”.

B. KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ CỦA DANH NHÂN, NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN THƯỢNG XUYÊN TRONG TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI VĂN MINH, TIẾN BỘ, GIÀU ĐẸP

I. Giữ gìn những giá trị văn hóa – lịch sử:

Điểm chung của những nơi thờ tự, khu di tích ở Biên Hòa – Đồng Nai là thờ những vị công thần có công với đất nước, được lòng dân, điển hình là đình Tân Lâm (Biên Hòa) thờ tướng Trần Thượng Xuyên. Các khu di tích là nơi còn lưu giữ lại những hiện vật và tư liệu giá trị minh chứng sống động cho quá khứ khai khẩn vô cùng quý giá như nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật chạm khắc gỗ mang phong cách Việt Nam thế kỷ 19... Mỗi hiện vật mang trên mình nó một vẻ đẹp hào hùng riêng nhưng đều chung ý nghĩa nhắc nhở thế hệ sau về những gì đã trải qua trong niềm tự hào và là điểm tựa vững chắc không gì thay đổi được.

Công tác trùng tu bảo dưỡng và giữ gìn các hiện vật ở khu di tích khá tốt, trong quá trình tham quan đều có người hướng dẫn cụ thể, tận tình. Đây là việc vô cùng hữu ích và có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và giới thiệu đến với người dân địa phương và du khách thập phương về lịch sử vùng cũng như những nét đẹp văn hóa. Điều này cần được phát huy nhiều hơn nữa. Tránh hiện tượng thực hiện công tác sơ sài, tạm bợ vì ở đó không chỉ có những hiện vật là vật chất mà nó còn mang giá trị tinh thần (phi vật chất). Các hiện vật đều đã trải qua một khoảng thời gian khá dài với những trầm tích cần được trân trọng một cách nghiêm túc.

Công tác kiểm kê di tích, di vật, các tài liệu quan trọng ở những khu di tích, đình, chùa, khu lăng mộ phải được thực hiện định kỳ, thường xuyên và tuân thủ theo quy định. Bên cạnh đó cần lập hồ sơ khoa học các hiện vật trong di tích, liên quan đến di tích với nội dung đầy đủ, thống kê về số lượng, đánh giá về tình trạng và được lưu thành hồ sơ khoa học... phục vụ cho các công tác về sau. Trong quá trình thực hiện công tác cũng cần có đại diện từ địa phương phối hợp với các cơ quan có chuyên môn, nghiệp vụ. Nhằm đánh giá chính xác công tác thực hiện từ đó tìm ra giải pháp thích hợp để giữ gìn các giá trị văn hóa – lịch sử, đặc biệt là đối với hạng mục danh nhân văn hóa, nhân vật lịch sử, người có công với đất nước, vùng, địa phương.

Bên cạnh đó thì công tác nghiên cứu, sưu tầm những giá trị văn hóa – lịch sử thuộc phi vật thể (truyện kể, thần tích, nhân vật liên quan, lễ hội, di sản chữ Hán, chữ Nôm, nghệ thuật thư pháp, tác phẩm chạm khắc, tư liệu, sử liệu...) có liên quan đến danh tướng Trần Thượng Xuyên là vô cùng quan trọng và có ích

trong công tác lưu giữ và bảo tồn những giá trị truyền thống mang tính văn hóa – lịch sử. Trong thời đại hiện nay, bên cạnh các tài liệu giấy, gỗ, đá của những thế kỷ trước, nay chúng ta còn có các loại hình chứa đựng thông tin vô cùng hữu hiệu như vật ghi hình ghi âm với kỹ thuật tiên tiến giúp ích rất nhiều trong công tác giữ gìn các giá trị thời đại (tư liệu về lễ cúng Kỳ Yên ở đình Tân Lân...)

Song song đó là công tác giới thiệu và tuyên truyền trong cộng đồng quần chúng cư dân về những giá trị tốt đẹp mang tính truyền thống của dân tộc một cách đồng bộ đến các thế hệ trẻ. Tích cực trao đổi và lưu giữ các nguồn tài liệu, hiện vật quý giá có giá trị lịch sử - văn hóa giữa các cơ sở di tích trong việc giới thiệu với người dân địa phương tìm hiểu và phát huy những giá trị vốn có và hiện đang được lưu giữ.

II. Phát huy những giá trị văn hóa - lịch sử:

Hiện nay các tờ phích giới thiệu về lịch sử di tích, các nhân vật có công, các vị thần được thờ cúng tại các di tích đình đền, chùa chiền còn nhiều hạn chế hoặc rất ít. Những sản phẩm lưu niệm tại đây để giới thiệu về các nhân vật lịch sử địa phương hầu như không có (thậm chí là rất ít không đáng kể). Dễ dàng nhận thấy phần đông các du khách đến các di tích không phải vì lý do muốn tìm hiểu về văn hóa – lịch sử mà chủ yếu là để tham quan nghỉ dưỡng dịp cuối tuần, các dịp lễ, Tết nhằm mục đích cầu an, giải tỏa căng thẳng là chính; một số khác là để nghỉ trưa,... chỉ có một số rất ít những người muốn tìm hiểu chuyên sâu về các giá trị văn hóa – lịch sử qua di tích văn hóa...

Tại một số khu di tích, đền thờ chưa thấy có các loại sổ sách ghi nhận lại những người tham quan, tìm hiểu giá trị văn hóa ở các khu di tích để làm tư liệu thống kê, khảo sát. Công việc này sẽ giúp ích rất nhiều trong việc thống kê thành tư liệu quan trọng từ đó nắm được tìm hình một cách chính xác về công tác quảng bá hình ảnh và giới thiệu về các giá trị hóa lịch sử như nhân vật lịch sử tướng Trần Thượng Xuyên, người có công khai khẩn vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Để phát huy những giá trị truyền thống văn hóa cần tích cực tuyên truyền và phổ biến các tài liệu văn hóa – lịch sử Đồng Nai đến các học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh, những người sẽ góp phần không nhỏ trong xây dựng và phát triển tỉnh nhà là điều cần thiết. Cũng như phối hợp với các trường Đại Học trên địa bàn, khu vực lân cận trong việc tổ chức các hội thi, nhằm mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia các cuộc thi, quảng bá hình ảnh và thu hút nhiều hơn sự chú ý, quan tâm từ nhiều phía trong cộng đồng dân cư; tôn vinh những truyền thống tốt đẹp và thúc đẩy lòng yêu thích nghiên cứu khoa học đối với các cán bộ, đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên.

Xây dựng và phát triển các tủ sách giới thiệu các bài viết, tài liệu, sách tại các thư viện, trường học, hoặc tại các khu di tích, nơi thờ tự các danh nhân, nhân vật lịch sử để những cá nhân, tập thể có điều kiện tìm hiểu sâu sắc và rõ ràng hơn từ các nguồn tài liệu chính thống này. Hạn chế một số nhầm lẫn từ các nguồn tài liệu không rõ ràng hiện đang tràn lan trên internet gây trở ngại không ít cho việc tìm hiểu và giới thiệu nét đẹp văn hóa – lịch sử Đồng Nai.

Từ việc trao đổi với ban Quản lý khu di tích, được biết, kinh phí xây dựng và sửa chữa đình chủ yếu là từ các hội viên của đình và từ kinh phí do nhân dân đóng góp. Nhiều phần kiến trúc bên trong đình được làm từ gỗ, các vết tích thời gian làm tăng giá trị của hiện vật nhưng đồng thời cũng làm ảnh hưởng không nhỏ gây thiệt hại về sau cho di tích. Một số hiện vật từ gỗ nói riêng và các hiện vật khác nói chung cần được sửa chữa, bảo dưỡng. Chi tính riêng kinh phí để làm lại một đôi cột bằng gỗ theo đúng kết cấu và chất lượng đã đến hàng tỉ đồng, chưa kể các cơ sở vật chất khác cần được nâng cấp, sửa chữa, bảo dưỡng... định kỳ, thường xuyên. Vấn đề này cần có sự hỗ trợ từ địa phương, nhà nước trong công tác giữ gìn các giá trị, hiện vật tại các di tích lịch sử.

Tiếp tục phát huy các hội thi tìm hiểu lịch sử - văn hóa địa phương, đồng hành cùng công cuộc xây dựng và phát triển đất nước nói chung, Đồng Nai nói riêng. Bằng cách kết hợp tham quan giới thiệu với các tour du lịch địa phương, nhằm quảng bá hình ảnh văn hóa và lịch sử địa phương với du khách trong và ngoài nước. Liên kết có hệ thống các di tích trên địa bàn tỉnh, nơi thờ cúng tín ngưỡng văn hóa – lịch sử để tiện tham quan, chiêm ngưỡng và giới thiệu với du khách. Trên các website du lịch thường rất ít hoặc không đề cập đến di tích văn hóa – lịch sử địa phương. Các website của tỉnh còn hạn chế nguồn thông tin về các giá trị văn hóa – lịch sử: Website Sở khoa học và Công nghệ Đồng Nai: <http://dost-dongnai.gov.vn>, Website Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: <http://svhttdl.dongnai.gov.vn>. Các bài viết về các nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa còn ít và thiếu cập nhật, gây một số khó khăn trong việc tìm hiểu và giới thiệu đến mọi người.

Phổ biến kiến thức lịch sử, đặc biệt là kiến thức lịch sử địa phương tại các trường học trên địa bàn tỉnh. Tại các trường học thường chú trọng trong công tác dạy kiến thức sách vở, ít gắn với thực tế địa phương, có thể lồng ghép giảng dạy và tìm hiểu văn hóa vùng, địa phương vào các môn học, tạo sự gắn kết và niềm say mê, hứng thú trong việc học và việc dạy, đặc biệt là đối với các môn học xã hội như lịch sử, địa lý.... Tổ chức định kỳ các buổi sinh hoạt ngoại khóa thông qua các chuyến đi thị sát tại địa phương để giới thiệu về lịch sử vùng. Thực hiện các bài tập ngoại khóa về tìm hiểu địa phương theo từng bài giảng trên lớp... Đồng thời tạo điều kiện tổ chức các chuyến đi về nguồn tại địa phương.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về danh nhân văn hóa - nhân vật lịch sử Trần Thượng Xuyên, càng nhận thấy những giá trị vẫn mãi trường tồn theo năm tháng; Dẫu thời gian có cố công làm nó phai nhạt ít nhiều những vật chất bên ngoài. Lớp bụi rêu phong càng phủ dày thì những giá trị truyền thống ấy càng tôn lên vẻ đẹp thời đại đã qua với sức hấp dẫn diệu kỳ qua mỗi bước đi ngược dòng thời gian xa xăm.

Với những đóng góp to lớn trong công cuộc khai khẩn của Trần Thượng Xuyên dưới thời chúa Nguyễn Phúc Tần đã để lại dấu ấn lịch sử to lớn. Qua thời gian tham gia “hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai 2014”, tôi có dịp được tìm hiểu và trực tiếp tham quan các di tích lịch sử, gặp gỡ và thu thập cho mình những kiến thức thật sự bổ ích. Không chỉ cho riêng bản thân mình mà còn có cơ hội giới thiệu với bạn bè về lịch sử vùng và địa phương mình.

Trần Thượng Xuyên cùng hơn 3000 lưu dân của mình là những người tiên phong cho công cuộc khai khẩn ở vùng đất Đồng Nai. Về sau, con cháu của họ lớn lên định cư rồi gây dựng cơ nghiệp, làm ăn ngày một phát triển. Mở rộng quan hệ buôn bán với một số người Trung Hoa khác đem lại nhiều giá trị tiềm năng cho việc phát triển vùng đất Biên Hoà thành trung tâm kinh tế - văn hoá vững mạnh.

Đình Tân Lâm và Đình Minh Hương Gia Thạnh không chỉ là nơi thờ tự người có công trong công cuộc khai khẩn, đứng đầu là tướng Trần Thượng Xuyên, mà còn là nơi gợi nhắc lại trong tâm thức thế hệ sau những giá trị sống động trong quá khứ. Trần Thượng Xuyên không chỉ là vị công thần dưới triều Nguyễn và mà còn là vị thần trong lòng những cư dân vùng đất Đồng Nai – Gia Định. Trong mỗi dịp lễ như lễ Kỳ Yên, những giá trị ấy càng được tôn vinh và là niềm tự hào trong văn hóa tín ngưỡng của vùng. Là dịp để ông bà nhắc lại với con cháu những nét đẹp trong văn hóa về thuở khai khẩn lập ấp, cuộc sống còn nhiều khó khăn, đến nay đã có nhiều thay đổi tươi đẹp. Mang đậm tư tưởng “uống nước nhớ nguồn” từ lâu đã trở thành truyền thống tốt đẹp của cư dân vùng.

Qua đó cần tích cực hơn nữa trong công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai hơn 300 năm hình thành và phát triển. Bản thân tôi cảm thấy thật sự tự hào khi kể với bạn bè mình về vùng đất nơi mình được sinh ra và lớn lên với truyền thống tốt đẹp. Nơi đây còn chứa đựng các giá trị văn hóa – lịch sử hào hùng và tươi đẹp. Từ việc tham quan và tìm hiểu thực tế, tôi nhận thấy được tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy các giá trị của địa phương là cần thiết. Trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều những di tích văn hóa gắn với những danh nhân, nhân vật lịch sử có công với đất nước cần được lưu giữ

và giới thiệu đến thế hệ sau... Như lời Bác dạy: “Dân ta phải biết sử ta - cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

TRẦN THƯỢNG XUYÊN (1655-1720)

ẢNH THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TỈNH ĐỒNG NAI



Đình Minh Hương Gia Thạnh – trụ sở chính thờ Trần Thượng Xuyên



Ảnh chụp cùng cô Vương Thị Thu Vân, người giới thiệu di tích đình Minh Hương Gia Thạnh, Q.5, Tp.HCM.



**Chánh điện nơi thờ tượng Trần Thượng Xuyên tại di tích đình Minh Hương
Gia Thạnh, Q.5, Tp.HCM.**



Di tích lịch sử Đình Tân Lâm – Phường Hòa Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai, được Bộ VHTT&DL xếp hạng Di tích lịch sử ngày 25/03/1991 theo quyết định số 457-QĐ



Di tích lịch sử Đình Tân Lân – Phường Hòa Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai, được Bộ VHTT&DL xếp hạng Di tích lịch sử ngày 25/03/1991 theo quyết định số 457-QĐ



Di tích lịch sử Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh – xã Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa, Đồng Nai, được Bộ VH TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử ngày 25/03/1991 theo quyết định số 457-QĐ



Di tích lịch sử Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh – xã Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa, Đồng Nai, được Bộ VH TT&DL xếp hạng Di tích lịch sử ngày 25/03/1991 theo quyết định số 457-QĐ



Chùa Đại Giác – xã Hiệp Hòa, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai, được Bộ VHTT&DL xếp hạng Di tích lịch sử và nghệ thuật ngày 28/09/1990 theo quyết định 993/QĐ



**Chùa Ông – xã Hiệp Hòa , Tp.Biên Hòa, Đồng Nai. Được Bộ VH TT xếp hạng
Di tích văn hóa 04/2001/QĐ-BVHTT**

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. <http://Namkyluctinh.org>
2. Địa chí Đồng Nai (5 tập)
3. Việt Nam sử lược
4. Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm, NXB Đồng Nai, 1988
5. Lịch sử địa phương tỉnh Đồng Nai, Phan Sỹ Anh – Dương Thị Kim Liên
6. Lịch sử khẩn hoang miền Nam/Son Nam (Biên Khảo), nhà xuất bản Trẻ
7. Lịch sử vùng đất Nam Bộ/GS, TSKH Vũ Minh Giang (Chủ biên), nhà xuất bản Thế Giới
8. Lương Văn Lựu, Biên Hòa sử lược toàn biên, Quyển 2, Sài Gòn, 1973
9. Quốc sử quán triều Nguyễn - Đại Nam thực lục....
10. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược. NXB Tân Việt, Sài Gòn, 1968
11. Gia Đình thành thông chí (Quyển 6: Thành trì chí, mục: Cầu Cao Miên)
12. Trương Minh Đạt, Nghiên cứu Hà Tiên, (Nxb Trẻ, 2008, tr. 153-155)
13. <http://www.sugia.vn/portfolio/detail/101/gop-phan-tim-hieu-ve-tran-thuong-xuyen-va-cong-dong-nguoi-hoa-o-vung-dong-nam-bo.html>
14. <http://dongnai.vncgarden.com/tu-lieu-ve-con-nguoi-dhong-nai/danh-tuong-tran-thuong-xuyen>
15. Website tỉnh Đồng Nai: <http://dongnai.gov.vn>
16. Website thư viện tỉnh Đồng Nai: <http://thuviendongnai.gov.vn>
17. Website Sở khoa học và Công nghệ Đồng Nai: <http://dost-dongnai.gov.vn>
18. Website Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: <http://svhttdl.dongnai.gov.vn>
19. Website Ban quản lý Di tích và Danh thắng tỉnh Đồng Nai:
<http://disandongnai.com>